TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN Đ
TỈNH KIÊN G

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số:**37**/2020/HNGĐ-ST.
Ngày: 27/5/2020
Về việc: "Xin ly hôn và nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN Đ - TỈNH KIÊN G

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Thanh Toàn.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. **Ông Danh Phích.**

2. Bà Phạm Hồng Gái.

Thư ký tòa án ghi Biên bản phiên tòa: Ông **Lê Quốc Tững** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đ, tỉnh Kiên G.

Trong ngày 27 tháng 5 năm 2020, tại truï sôû Tòa án nhân dân huyện Hòn Đ, tỉnh Kiên G xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 45/2020/TLST - HNGĐ, ngày 10 tháng 02 năm 2020 về việc " Xin Ly hôn và nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2020/QĐXXST – HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2020.

Nguyên đơn: Chị **Phan Thị T,** Sinh năm 1974 (Có mặt).

Địa chỉ: tổ 1 ấp Vạn Thanh, xã Thổ S, huyện Hòn Đ, tỉnh Kiên G

Bị đơn: Anh **Đoàn Văn L,** Sinh năm 1968 (Vắng mặt).

Địa chỉ: tổ 1 ấp Vạn Thanh, xã Thổ S, huyện Hòn Đ, tỉnh Kiên G

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và tại phiên Tòa hôm nay chị Phan Thị T trình bày:

Chị Phan Thị T và anh Đoàn Văn L lấy nhau là do yêu thương được cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới vào năm 1996 không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu mới kết

hôn thì vợ chồng sống với nhau hạnh phúc đã có với nhau hai người con chung là cháu Đoàn Thị C, sinh năm 1997 và Đoán Chí T2 sinh ngày 20 tháng 4 năm 2002. Trong cuộc sống vợ chồng tính tình không hợp nhau, anh Đoàn Văn L không lo làm ăn thường xuyên nhậu nhẹt và hai vợ chồng đã ly thân nhau từ năm 2019 cho tới nay. Từ khi ly thân thì giữa hai vợ chồng không còn quan tâm, không chăm sóc nhau cuộc sống của ai người đó tự lo. Nay chị Phan Thị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn và sống chung với nhau được nữa, nên T yêu cầu Tòa án không công nhận chị T và anh L là vợ chồng.

Về con chung: Chị Phan Thị T và anh Đoàn Văn L có hai con chung là cháu Đoàn Thị C, sinh năm 1997 và Đoán Chí T2, sinh ngày 20 tháng 4 năm 2002, Hiện tại các con đã trưởng thành nên chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung của vợ chồng: Chị trình bày vợ chồng không có tài sản chung, nên chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ và cho vay nợ: Chị Phan Thị T trình bày vợ chồng không nợ ai và cũng không cho ai vay nợ vì vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra chị T không trình bày gì thêm.

Bị đơn anh Đoàn Văn L: Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giap nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án nhưng anh Đoàn Văn L đều cố tình vắng mặt nên không có lời khai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Toà, Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Tòa. Hội đồng xét xử nhận định vụ án như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình, căn cứ vào Điều 28 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự, đây thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đ, tỉnh Kiên G.

- Mặc dù Tòa án đã tống đạt các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng anh Đoàn Văn L vẫn vắng mặt không có lý do, do đó Tòa án tiến

hành xét xử vắng đối với anh Đoàn Văn L theo quy định Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự là đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét về hôn nhân: Chị Phan Thị T và anh Đoàn Văn L lấy nhau là do tự tìm hiểu yêu thương nhau được cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới vào năm 1996, không có đăng ký kết hôn, thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn, dẫn đến chị Phan Thị T yêu cầu xin ly hôn với anh Đoàn Văn L. Hội đồng xét xử thấy rằng chị Phan Thị T và anh Đoàn Văn L lấy nhau không đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân không hợp pháp, không được pháp luật thừa nhận, vì tại Điều 14 luật Hôn nhân và gia đình quy định "Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng" và tại Điều 53 luật Hôn nhân gia đình quy định "Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng...". Do đó căn cứ vào các quy định này Hội đồng xét xử không công nhận chị Phan Thị T và anh Đoàn Văn L là vợ chồng.

[3] Xét về con chung: Chị Phan Thị T và anh Đoàn Văn L có 01 con chung là cháu cháu Đoàn Thị C, sinh năm 1997 và cháu Đoán Chí T2, sinh ngày 20 tháng 4 năm 2002. Tịa phiên tòa hôm nay thì chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề con chung vì các con đã trương thành.

[4] Xét về quan hệ tài sản chung của vợ chồng: Chị T thừa nhận giữa chị với anh Đoàn Văn L không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về nợ và cho vay nợ: chị Phan Thị T trình bày vợ chồng không nợ ai cũng không cho ai vay nợ vì vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/NQ-HĐTP ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án. Thì chị Phan Thị T phải chịu án phí là Hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 và khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng các Điều, 14 điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Áp dụng: Nghị quyết số 326/2016/NQ-HĐTP ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị T yêu cầu được ly hôn với anh Đoàn Văn L.

1. Về Hôn nhân: Không công nhận chị Phan Thị T và anh Đoàn Văn L là vợ chồng.

2. Về quan hệ con chung: Các con đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xét.

3. Về quan hệ tài sản chung: Chị Phan Thị T không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ và cho vay nợ: Chị Phan Thị T không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

5. Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Buộc chị Phan Thị T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí, nhưng được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị Phan Thị T đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đ, tỉnh Kiên G theo biên lai thu số 0009315 ngày 10 tháng 2 năm 2020 số tiền theo biên lai là 300.000 đồng. Như vậy chị Phan Thị T đã nộp xong án phí.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Riêng anh Đoàn Văn L vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nôi nhaän:
- Tòa án tỉnh Kiên G
- VKSND huyeän Hòn Đ.
- Ñöông söï.
- Löu hoà sô

Trương Thanh Toàn